TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hoàng Diễm
2. Bà Âu Thị Kiều Sương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 238/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1992; CCCD số: 083192013337, cấp ngày 29/7/20222 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt)

* *Bị đơn*: Ông Lê Bảo T, sinh năm: 1984; CCCD số: 080384009064, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Chị C và anh T kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Bảo T.

Về con chung: Chị C và anh T có một con chung tên là Lê Nguyễn Phi N, sinh ngày 06/01/2018 hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2026 và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt anh Lê Bảo T trình bày:

Về hôn nhân: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim C thì anh T đồng ý vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, hôn nhân không hạnh phúc và anh yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh T và chị C có một con chung tên là Lê Nguyễn Phi N, sinh ngày 06/01/2018 hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn anh T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, thấy rằng anh chị không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C và anh Thủ ly H. Về nuôi con chung, Anh T và chị C có một con chung tên là Lê Nguyễn Phi N, sinh ngày 06/01/2018 hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu N về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho anh T được tiếp tục nuôi con, ghi nhận anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh chị trong cùng vụ án do anh chị trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh Thủ tự N1 kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2014, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Từ năm 2021 bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và đã sống ly thân từ đó đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Như vậy có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Anh T và chị C có một con chung tên là Lê Nguyễn Phi N, sinh ngày 06/01/2018 hiện đang sống với anh T. Anh T và chị C cùng thống nhất để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên ghi nhận, ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị C cùng khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị C cùng khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí: Chị C là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C. chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Lê Bảo T.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Bảo T có một con chung tên là Lê Nguyễn Phi N, sinh ngày 06/01/2018 hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận anh Lê Bảo T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Anh T và chị C trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004280 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị C đã nộp xong án phí.

Anh Lê Bảo T và chị Nguyễn Thị Kim C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng